

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 174/2025/KDTM-ST
Ngày: 30-5-2025
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thúy Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Đăng Vạn
- Bà Phan Thị Bé

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yến là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang - Kiểm sát viên

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 9/2025/TLST-KDTM ngày 09/01/2025 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3490/2025/QĐXXST-KDTM ngày 18/4/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4190/2025/QĐST-KDTM ngày 09/5/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn N

Địa chỉ: Khu công nghiệp N, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đ.

Đại diện theo ủy quyền: ông Trần Thái T, sinh năm 1**8

Địa chỉ: 348 đường P, Khu phố V, phường T, thành phố B, tỉnh Đ

(Văn bản ủy quyền số 10/GUQ ngày **/**/2024)

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Công nghệ S

Địa chỉ: Số nhà 28-N9, Đường số S, Khu dân cư S, phường T, thành phố T, Thành phố H

Đại diện theo pháp luật: ông Kang Chong C – Giám đốc, sinh năm 1**9

Địa chỉ: Số nhà 28-N9, Đường số S, Khu dân cư S, phường T, thành phố T, Thành phố H

(Ông T có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện nhận ngày 11/12/2024, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn trình bày:*

Công ty Trách nhiệm hữu hạn N (sau đây gọi tắt là Công ty N) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Công nghệ S (sau đây gọi tắt là Công ty S) đã thực hiện việc mua bán các loại sơn dầu với tổng số tiền 295.020.000 đồng (đã bao gồm thuế Giá trị gia tăng - VAT), cụ thể như sau:

- Ngày 01/11/2018, Công ty N bán cho Công ty S 150 thùng (Bộ) sơn dầu có mã tên hàng là 932-HI-GRAY đơn giá là 1.720.000 đồng/thùng. Tổng tiền hàng và thuế giá trị gia tăng là: 283.800.000 đồng. Công ty N đã giao đủ hàng và xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 00***34 cho Công ty S.

- Ngày 05/11/2018, Công ty N bán cho Công ty S 01 thùng (Bộ) sơn dầu có mã tên hàng là MA366-RAL1021 đơn giá là 2.100.000 đồng/thùng và 01 thùng sơn dầu có mã tên hàng là MA366-06 ISLAND GREEN) đơn giá là 2.100.000đồng/thùng. Tổng tiền hàng và thuế VAT là: 4.620.000 đồng. Công ty N đã giao đủ hàng và xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 00***16 cho Công ty S.

- Ngày 07/12/2018, Công ty N bán cho Công ty S 02 thùng (Bộ) sơn dầu có mã tên hàng là 926-N139 đơn giá là 1.700.000 đồng/thùng. Tổng tiền hàng và thuế VAT là: 3.740.000 đồng. Công ty N đã giao đủ hàng và xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0012769 cho Công ty S.

- Ngày 19/12/2018, Công ty N bán cho Công ty S 05 thùng (Bộ) sơn dầu có mã tên hàng là NOROO SEAL #6000 đơn giá là 520.000 đồng/thùng. Tổng tiền hàng và thuế VAT là: 2.860.000 đồng. Công ty N đã giao đủ hàng và xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 00***61 cho Công ty S.

Tuy nhiên, phía Công ty S đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán số tiền hàng đã mua cho Công ty N dù đã có cam kết hứa thanh toán nợ. Ngày 06/12/2024, hai bên có Biên bản đối chiếu công nợ và xác định Công ty S còn nợ Công ty N tổng số tiền hàng 229.000.000 đồng.

Trong quá trình chuẩn bị hồ sơ khởi kiện và quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Công ty S đã thanh toán thêm được 140.000.000 đồng vào ngày 09/12/2024 (thanh toán 100.000.000 đồng) và ngày 18/3/2025 (thanh toán 40.000.000 đồng).

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Công nghệ S trả tổng số tiền tạm tính đến ngày 17/4/2025 là 286.123.200 đồng (trong đó: tiền mua hàng còn nợ 89.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả 197.123.200 đồng). Lãi tiếp tục tính cho đến khi Công ty S thanh toán hết nợ.

Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Công nghệ S: Dù đã được Tòa án tổng đạt, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không cử người tham gia tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu

khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải được.

** Tại phiên tòa:*

- Đại diện nguyên đơn trình bày: nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện nhưng xác định lại tổng số tiền yêu cầu Công ty S phải trả tính đến ngày 30/5/2025 là 293.412.400 đồng, trong đó: tiền mua hàng còn nợ 89.000.000 đồng và tổng tiền lãi chậm trả tính từ 20/12/2018 theo mức lãi suất 1.2%/tháng trên số tiền mua hàng còn nợ theo từng giai đoạn thanh toán của Công ty S sau khi các bên đối chiếu công nợ là 204.412.400 đồng. Yêu cầu thanh toán làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn: Vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Công ty N yêu cầu Công ty S trả số tiền mua hàng còn nợ và Công ty S có địa chỉ tại thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

** Về thủ tục tố tụng:*

Bị đơn Công ty S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 228 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt Công ty S.

** Về nội dung vụ án:*

[1] Căn cứ 04 Hóa đơn Giá trị gia tăng; Bảng đối chiếu công nợ; Văn bản đề nghị gia hạn thanh toán của Công ty S và lời khai của đại diện nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: quan hệ mua bán sơn dầu giữa Công ty N và Công ty S là có thật, tự nguyện và phù hợp với các quy định của pháp luật thương mại.

Thực hiện hợp đồng, Công ty N đã giao hàng và xuất hóa đơn 04 giá trị gia tăng số 00***34 ngày 01/11/2018, số 00***16 ngày 05/11/2018 và số 0012769 ngày 07/12/2018 và số 00***61 ngày 19/12/2018 với tổng số tiền 295.020.000 đồng. Tuy nhiên, Công ty S không thực hiện thanh toán đầy đủ tiền hàng. Sau đó, Công ty S xin gia hạn thanh toán công nợ qua năm 2024 nhưng vẫn không thực hiện đầy đủ dù Công ty N đã liên hệ nhiều lần.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn xác định tính đến ngày 30/5/2025, Công ty S đã thanh toán cho Công ty N tổng cộng là 206.020.000 đồng (cụ thể: ngày 13/6/2023 trả 26.020.000 đồng, 29/2/2024 trả 10.000.000 đồng, ngày 29/11/2024 trả 30.000.000 đồng, ngày 09/12/2024 trả 100.000.000 đồng và ngày 18/3/2025 trả 40.000.000 đồng), còn nợ 89.000.000 đồng. Yêu cầu trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Phía Công ty S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa, cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty N.

Từ những phân tích trên, đủ cơ sở để xác định Công ty S đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền mua sơn dầu cho Công ty N. Căn cứ Điều 50 và Điều 55 của Luật Thương mại, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Công ty S có trách nhiệm trả một lần, ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật cho Công ty N tổng số tiền mua hàng còn nợ là 89.000.000 đồng.

[2] Đối với yêu cầu buộc Công ty S trả khoản tiền lãi chậm trả, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 55 của Luật Thương mại quy định về thời hạn thanh toán: *“Bên mua phải thanh toán cho bên bán vào thời điểm bên bán giao hàng hoặc giao chứng từ liên quan đến hàng hoá”*; 04 Hóa đơn Giá trị gia tăng số 00***34 ngày 01/11/2018, số 00***16 ngày 05/11/2018 và số 0012769 ngày 07/12/2018 và số 00***61 ngày 19/12/2018 do Công ty N phát hành và lời khai của đại diện nguyên đơn thì đủ cơ sở để xác định: Công ty S đã vi phạm thời hạn thanh toán của các Hóa đơn nêu trên tính từ ngày tiếp theo của ngày Công ty N xuất hóa đơn Giá trị gia tăng.

Căn cứ Điều 306 của Luật Thương mại quy định: *“Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”*; Án lệ số 09/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016; Thông báo công bố về lãi suất cho vay Việt Nam Đồng áp dụng đối với pháp nhân vay sản xuất kinh doanh thông thường của khoản vay trung – dài hạn đang được Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh 9, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Sài Gòn và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Định áp dụng thì đủ cơ sở để xác định, lãi suất nợ quá hạn trung

bình trên thị trường tại thời điểm xét xử (ngày 30/5/2025) là: $(9\%/năm + 12.5\%/năm + 9\%/năm) : 3 \times 150\% = 15.25\%/năm$.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn xác định Công ty N chỉ yêu cầu tính lãi chậm thanh toán từ ngày 20/12/2018 (ngày tiếp theo của ngày xuất hóa đơn Giá trị gia tăng cuối cùng) đến ngày 30/5/2025 theo mức lãi suất 1.2%/tháng trên số tiền mua hàng còn nợ theo từng giai đoạn thanh toán của Công ty S sau khi các bên đối chiếu công nợ. Xét, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, có lợi cho phía bị đơn và phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở để chấp nhận.

Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc Công ty S có trách nhiệm thanh toán cho Công ty N tổng số tiền lãi chậm trả tính từ ngày 20/12/2018 đến ngày 30/5/2025 là 204.412.400 đồng, trong đó:

- Tiền lãi chậm trả từ ngày 20/12/2018 đến ngày 08/12/2024 là: 229.000.000 đồng $\times 1,2\%/tháng \times 71$ tháng 18 ngày = 196.756.800 đồng.

- Tiền lãi chậm trả từ ngày 09/12/2024 đến ngày 17/3/2025 là: 129.000.000 đồng $\times 1,2\%/tháng \times 03$ tháng 08 ngày = 5.056.800 đồng.

- Tiền lãi chậm trả từ ngày 18/3/2025 đến ngày 30/5/2025 là: 89.000.000 đồng $\times 1,2\%/tháng \times 02$ tháng 13 ngày = 2.598.800 đồng.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí:

Căn cứ Điều 6 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì Công ty S phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 14.670.620 đồng.

Hoàn lại cho Công ty N số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 50, Điều 55 và Điều 306 của Luật Thương mại;

Căn cứ vào Điều 6 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn N.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Công nghệ S có trách nhiệm trả một lần, ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn N tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 30/5/2025 là 293.412.400 (Hai trăm chín mươi ba triệu bốn trăm mười hai nghìn bốn trăm) đồng, trong đó:

- Tiền mua hàng còn nợ: 89.000.000 đồng.
- Tiền lãi chậm trả: 204.412.400 đồng.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại.

3. Về án phí:

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 14.670.620 đồng (Mười bốn triệu sáu trăm bảy mươi nghìn sáu trăm hai mươi) đồng, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Công nghệ S chịu. Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn N 10.522.464 (Mười triệu năm trăm hai mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi bốn) đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 00***3 ngày 02/01/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Trường hợp đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP.Thủ Đức;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thúy Quỳnh